

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 6 - 2021

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành – Bà Nguyễn Ngọc Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Thùy Linh – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái: Bà Phạm Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sa Thị B, sinh năm 1996; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã S, thị xã N, tỉnh Yên Bái;

Bị đơn: Anh Phạm Thanh L, sinh năm 1983; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Sa Thị B trình bày:

Chị Sa Thị B và anh Phạm Thanh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 30/12/2016 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm không thể chung sống cùng nhau đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Chị B xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn với anh L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ anh Phạm Thanh L trình bày:

Về hôn nhân: Anh L thống nhất với chị B về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Vợ chồng có mâu thuẫn và đã tự hòa giải nhưng không cải thiện được. Nay chị B yêu cầu ly hôn, anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Chị Sa Thị B được ly hôn anh Phạm Thanh L; Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; Về quyền kháng cáo: Chị B, anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Phạm Thanh L có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án “Ly hôn” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Sa Thị B, bị đơn anh Phạm Thanh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Sa Thị B và anh Phạm Thanh L có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị B và anh L đều thừa nhận, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không có kết quả. Tòa án đã triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh L vắng mặt, không có lý do thể hiện anh L không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị B là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị B, anh L đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Sa Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Chị Sa Thị B và anh Phạm Thanh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Sa Thị B được ly hôn anh Phạm Thanh L.

2. Về án phí: Chị Sa Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0009029, ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Sa Thị B và anh Phạm Thanh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
 - Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
 - Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
 - Các đương sự;
 - UBND xã T, Tp Y.
- TP Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến